

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2021/DS-ST

Ngày 22 - 6 - 2021

“V/v Tranh chấp hui và hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Ánh Hoa

Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 487/2020/TLST - DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hui và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 367/2021/QĐXXST- DS ngày 11/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thu A, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp C, xã LV, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Du Thị B, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số B, đường Đ, khóm X, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo Giấy ủy quyền ngày 16/11/2020. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Vũ Bích L1, sinh năm 1980; (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Tuấn M, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số C, đường T, khóm K, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị M1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp C, xã LV, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

2. Bà Lê Thị G, sinh năm 1965. Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp C, xã LV, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

3. Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1964. Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp C, xã LV, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

4. Bà Lê Thị L, sinh năm 1954. Địa chỉ: Ấp C, xã LV, thành phố C, tỉnh Cà Mau;. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bà Ngô Thu A trình bày tại đơn khởi kiện, bà Du Thị B đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Vào năm 2014, 2015 bà L1 và ông M có tham gia chơi hụi do bà Ngô Thu A làm chủ, loại hụi đầu thảo, có lãi, có hoa hồng. Bà Thu A có cho bà L1, ông M vay tiền. Ngoài ra, bà Thu A có chơi hụi dùm bà L1, ông M, hụi do bà L làm chủ cụ thể như sau:

Hụi do bà Ngô Thu A làm chủ hụi:

- Dây thứ nhất: Hụi 500.000 đồng, mở ngày 15/8/2014 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm có 60 phần, bà L1 tham gia chơi 02 phần.

Phần thứ 1: Bà L1 bỏ 300.000 đồng vào ngày 15/01/2015 âm lịch, kỳ thứ 6, hốt được số tiền 13.300.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng), bà L1 đóng hụi chết đến ngày 15/4/2017 âm lịch được 27 lần với số tiền 13.500.000 đồng thì ngưng. Dây hụi đến ngày 15/7/2019 âm lịch mãn, bà L1 nợ hụi chết 27 lần với số tiền 13.500.000 đồng (27 lần x 01 phần x 500.000 đồng).

Phần thứ 2: Bà L1 bỏ 240.000 đồng vào ngày 15/3/2015 âm lịch, kỳ thứ 8, hốt được số tiền 16.000.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng), bà L1 đóng hụi chết đến ngày 15/4/2017 âm lịch được 25 lần với số tiền 12.500.000 đồng thì ngưng. Dây hụi đến ngày 15/7/2019 âm lịch mãn, bà L1 còn nợ hụi chết 27 lần với số tiền 13.500.000 đồng (27 lần x 01 phần x 500.000 đồng).

- Dây thứ hai: Hụi 500.000 đồng, mở ngày 02/5/2015 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm có 45 phần, bà L1 tham gia chơi 03 phần.

Phần thứ 1: Bà L1 bỏ 100.000 đồng vào ngày 02/5/2015 âm lịch (hốt đầu), kỳ thứ 1, hốt được số tiền 15.400.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng), bà L1 đóng hụi chết đến ngày 02/4/2017 âm lịch được 23 lần với số tiền 11.500.000 đồng thì ngưng. Dây hụi đến ngày 02/01/2019 âm lịch thì mãn, bà L1 còn nợ hụi chết 21 lần với số tiền 10.500.000 đồng (21 lần x 01 phần x 500.000 đồng).

Phần thứ 2: Bà L1 bỏ 205.000 đồng vào ngày 02/6/2015 âm lịch, kỳ thứ 2, hốt được số tiền 13.185.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng), bà L1 đóng hụi chết đến ngày 02/4/2017 âm lịch được 22 lần với số tiền 11.000.000 đồng thì ngưng. Dây hụi đến ngày 02/01/2019 âm lịch mãn, bà L1 còn nợ hụi chết 21 lần với số tiền 10.500.000 đồng (21 lần x 01 phần x 500.000 đồng).

Phần thứ 3: Bà L1 bỏ 110.000 đồng vào ngày 02/7/2016 âm lịch, kỳ thứ 15, hốt được số tiền 18.700.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng), bà L1 đóng hụi chết đến ngày 02/4/2017 âm lịch được 09 lần với số tiền 4.500.000 đồng thì ngưng. Dây hụi đến ngày 02/01/2019 âm lịch mãn, bà L1 còn nợ hụi chết 21 lần với số tiền 10.500.000 đồng (21 lần x 01 phần x 500.000 đồng).

- Dây thứ ba: Hụi 500.000 đồng, mở ngày 10/12/2014 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm có 51 phần, bà L1 tham gia chơi 02 phần.

Phần thứ 1: Bà L1 bỏ 230.000 đồng vào ngày 10/01/2016 âm lịch, kỳ thứ 14, hốt được số tiền 16.490.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng), bà L1 đóng hui chết đến ngày 10/4/2017 âm lịch được 15 lần với số tiền 7.500.000 đồng thì ngưng. Dây hui đến ngày 10/02/2019 âm lịch mãn, bà L1 còn nợ hui chết 22 lần với số tiền 11.000.000 đồng (22 lần x 01 phần x 500.000 đồng).

Phần thứ 2: Bà L1 bỏ 120.000 đồng vào ngày 10/7/2016 âm lịch, kỳ thứ 20, hốt được số tiền 21.480.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng), bà L1 đóng hui chết đến ngày 10/4/2017 âm lịch được 09 lần với số tiền 4.500.000 đồng thì ngưng. Dây hui đến ngày 10/02/2019 âm lịch mãn, bà L1 còn nợ hui chết 22 lần với số tiền 11.000.000 đồng (22 lần x 01 phần x 500.000 đồng).

- Dây thứ tư: Hui 300.000 đồng, mở ngày 30/6/2015 âm lịch, mỗi tháng khai 01 lần, hui gồm có 45 phần, bà L1 tham gia chơi 01 phần.

Bà A bỏ 140.000 đồng vào ngày 30/3/2017 âm lịch, kỳ thứ 22, hốt được số tiền 9.780.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng), bà L1 đóng hui chết đến ngày 30/4/2017 âm lịch được 01 lần với số tiền 300.000 đồng thì ngưng. Dây hui đến ngày 30/02/2019 âm lịch mãn, bà L1 còn nợ hui chết 22 lần với số tiền 6.600.000 đồng (22 lần x 01 phần x 300.000 đồng).

Việc chơi hui bà Thu A có lập sổ hui, ghi chép theo dõi đầy đủ, giao danh sách hui cho từng hui viên. Việc các hui viên lĩnh hui từng kỳ không ký nhận. Bà Thu A không mở hui ngày 15/8/2015 âm lịch, 30/8/2015 âm lịch, 15/9/2015 âm lịch như bà Vũ Bích L1 trình bày, lời trình bày của bà L1 về sự việc là không đúng.

Hui do bà Lê Thị L làm chủ:

- Dây thứ nhất: Hui 1.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2017 âm lịch, mỗi tháng khai 01 lần, hui gồm có 37 phần, bà Thu A chơi dùm bà L1 01 phần. Bà L1 bỏ 200.000 đồng vào ngày 15/4/2017 âm lịch, kỳ thứ 4, hốt được số tiền 29.400.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng), bà L1 không đóng hui chết. Dây hui đến ngày 15/01/2020 âm lịch mãn, bà L1 còn nợ hui chết 33 lần với số tiền 33.000.000 đồng (33 lần x 01 phần x 1.000.000 đồng).

- Dây thứ hai: Hui 300.000 đồng, mở ngày 30/11/2016 âm lịch, mỗi tháng khai 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, hui gồm có 63 phần, bà Thu A chơi dùm bà L1 01 phần. Bà L1 bỏ 100.000 đồng vào ngày 15/3/2017 âm lịch, kỳ thứ 10, hốt được số tiền 12.900.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng), bà L1 đóng hui chết đến 15/4/2017 được 02 lần với số tiền 600.000 đồng. Dây hui đến ngày 30/7/2019 âm lịch mãn, bà L1 còn nợ hui chết 57 lần với số tiền 17.100.000 đồng (57 lần x 01 phần x 300.000 đồng).

Việc chơi hui do bà L làm chủ, bà L có ghi chép đầy đủ, có danh sách hui. Trong danh sách hai dây hui này ghi tên Thu A đứng tên chơi. Danh sách hui ngày 30/11/2016 ghi tên người chơi hui là “Thu A”, danh sách hui ngày 15/01/2017 ghi tên “Thu A vô dùm L1”, những chữ viết bằng mực xanh như “A” và “vô dùm L1” là do bà Thu A ghi sau để theo dõi. Việc giao nhận tiền lĩnh (hốt) hui bà L giao trực tiếp cho bà Thu A nhận, sau đó bà Thu A giao lại cho bà L1, việc giao nhận tiền không ký nhận, việc chơi hui dùm không có văn bản thể hiện. Sau khi

hốt hụi bà L1 không đóng hụi chết cho bà L, bà Thu A đã thay bà L1 đóng đầy đủ cho bà L.

Tổng 10 phần hụi nêu trên bà L1 còn nợ bà Thu A 137.200.000 đồng. Bà L1 đã trả cho bà Thu A được 21.700.000 đồng, còn nợ lại bà Thu A 115.500.000 đồng. Tại Biên bản hòa giải cơ sở ngày 04/11/2020, bà L1 thừa nhận còn nợ bà Thu A 60.000.000 đồng tiền hụi, 17.000.000 đồng tiền vay và 01 nhẫn vàng 24k trọng lượng 08 phân, tuy nhiên đối với nhẫn vàng bà L1 đã trả cho bà Thu A xong, từ khi hòa giải cơ sở đến nay bà L1 không trả cho bà Thu A thêm khoản nào.

Ngoài ra, vào đầu năm 2017 bà Thu A đã vay tiền của bà Nh, G, M1 dùm cho bà L1 số tiền 31.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, trong đó vay của bà M1 10.000.000 đồng, của bà Nh 10.000.000 đồng, của bà G 11.000.000 đồng. Bà L1 hẹn đến tháng 5/2017 trả, nhưng bà L1 không trả. Sau đó bà Thu A đã thanh toán xong tiền vốn và lãi cho bà M1, bà Nh và bà G. Bà Thu A yêu cầu bà L1 và ông M thanh toán số tiền vốn 31.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà Thu A xác định nợ hụi, nợ vay là nợ chung của bà L1 và ông M. Tổng số tiền bà L1 và ông M còn nợ bà là 146.500.000 đồng, trong đó tiền nợ hụi 115.500.000 đồng và 31.000.000 đồng tiền nợ vay. Quá trình giải quyết vụ án, bà Thu A yêu cầu ông M và bà L1 thanh toán cho bà tổng số tiền 146.500.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán 60.000.000 đồng tiền nợ hụi và 31.000.000 đồng tiền nợ vay. Tổng cộng nguyên đơn yêu cầu bà L1 và ông M thanh toán 91.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Bà Vũ Bích L1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Bà có chơi hụi do bà Thu A làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất, mở ngày 15/8/2015 âm lịch, loại hụi 300.000 đồng, mỗi tháng khui 1 lần, hụi gồm 36 phần, bà chơi 03 phần, cụ thể:

- + Phần thứ nhất: Bà hốt kỳ đầu tiên 01 phần được 8.020.000 đồng, đóng hụi chết đến ngày 20/6/2017 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi.

- + Phần thứ hai: Đến kỳ thứ 4, bà hốt hụi được hơn 9.000.000 đồng, đóng hụi chết đến 20/6/2017 âm lịch thì ngưng cho đến khi hụi mãn.

- + Phần thứ ba: Hốt kỳ thứ mấy không nhớ, hốt được bao nhiêu tiền bà không nhớ rõ, bà đóng hụi chết đến ngày 20/6/2017 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi.

Dây hụi này đến ngày 15/8/2018 âm lịch là mãn. Ba phần hụi này bà còn nợ bà Thu A 18 kỳ hụi chết là 18.200.000 đồng.

- Dây thứ hai, mở ngày 30/8/2015 âm lịch, loại hụi 500.000 đồng, mỗi tháng khui 1 lần, hụi gồm 36 phần, bà chơi 02 phần, cụ thể:

- + Phần thứ nhất: Bà hốt hụi kỳ thứ hai, hốt được số tiền 11.500.000 đồng, đóng hụi chết đến 20/6/2017 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi.

- + Phần thứ hai: Bà hốt kỳ thứ mấy không nhớ, hốt được bao nhiêu tiền không nhớ, đóng hụi chết đến 20/6/2017 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi.

Dây hụi này mãn ngày 30/9/2018 âm lịch. Hai phần hụi này bà còn nợ 18 kỳ hụi chết bằng 18.000.000 đồng.

- Dây thứ ba, mở ngày 15/9/2015 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 1 lần, hụi gồm 36 phần, bà chơi 01 phần. Đến kỳ thứ 7 bà hốt hụi, hốt được 24.300.000 đồng, đóng hụi chết đến ngày 20/6/2017 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi. Dây hụi này đến 15/9/2018 âm lịch thì mãn. Tính đến mãn hụi bà còn nợ 18.000.000 đồng.

Tổng cộng bà còn nợ bà Thu A 52.200.000 đồng tiền hụi chết, bà đã trả được 15.000.000 đồng, còn nợ lại 37.200.000 đồng.

Ngoài ra bà không chơi bất cứ dây hụi nào do bà Thu A làm chủ, cũng không nhờ bà Thu A chơi hụi dùm. Bà chỉ biết bà Thu A, không biết bà L, bà không nhờ bà Thu A chơi hụi của bà L, cũng không có mặt tại thời điểm bà L giao hụi cho bà Thu A.

Ngày 13/5/2017, bà có vay tiền của bà Thu A số tiền 31.000.000 đồng. Khi vay có làm biên nhận do bà Thu A giữ, trong biên nhận không ghi mức lãi suất nhưng đôi bên thỏa thuận lãi suất 10%/tháng (mỗi ngày đóng 310.000 đồng). Bà đóng lãi đến ngày 25/12/2019 âm lịch thì bà Thu A không tính lãi nữa, bà trả vốn được 14.000.000 đồng, còn nợ 17.000.000 đồng. Việc trả lãi và vốn không làm biên nhận, không ai chứng kiến.

Tổng cộng bà còn nợ bà Thu A 54.200.000 đồng tiền hụi và tiền vay, ngoài ra bà không còn nợ bà Thu A khoản nào khác. Bà không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn. Bà chỉ đồng ý còn nợ và thanh toán cho nguyên đơn 37.200.000 đồng tiền hụi và 17.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 54.200.000 đồng. Bà xác định các khoản nợ hụi, nợ vay này là nợ riêng của bà, chồng bà ông M không biết. Từ khi hòa giải cơ sở ngày 04/11/2020 đến nay bà không trả cho bà Thu A thêm khoản nào.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn M trình bày: Ông không tham gia chơi hụi, vay tiền của bà Thu A. Việc bà L1 chơi hụi và vay tiền của bà Thu A thế nào thì ông không biết. Ông không đồng ý yêu cầu của bà Thu A. Vì lý do sức khỏe, ông xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bà Lê Thị L trình bày: Bà có làm chủ hụi. Vào năm 2016, 2017 bà Thu A có chơi hụi dùm cho bà L1, cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: mở ngày 15/01/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, hụi gồm 37 phần, bà Thu A chơi dùm bà L1 01 phần. Ngày 15/4/2017 âm lịch (kỳ thứ 4) bà Thu A hốt được số tiền 29.400.000 đồng. Bà Thu A là người trực tiếp đóng hụi chết đầy đủ cho bà. Dây hụi này mãn ngày 15/02/2020 âm lịch.

- Dây thứ hai: mở ngày 30/11/2016 âm lịch, loại hụi 300.000 đồng, mỗi tháng khai 02 lần, hụi gồm 63 phần, bà Thu A chơi dùm bà L1 01 phần. Ngày 15/3/2017 âm lịch, bà Thu A hốt được số tiền 12.900.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà L1 có đóng hụi chết 02 kỳ (do bà Thu A đóng dùm), sau đó bà L1 không tiếp tục đóng hụi chết cho bà, tiền hụi chết còn lại do bà Thu A đóng cho bà. Dây hụi này mãn ngày 30/7/2019 âm lịch.

Bà giao tiền hụi cho bà Thu A tại nhà bà Thu A, có mặt bà L1. Sau khi giao tiền xong bà về, giữa Thu A và L1 giao tiền với nhau thế nào bà không biết. Hiện

tại các phần hội do bà Thu A chơi dùm bà L1 đã mãn, bà Thu A đã đóng đầy đủ hội chết cho bà, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Xin vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải và xét xử vụ án.

Bà Lê Thị Nh trình bày: Năm 2015, bà có tham gia chơi hội do bà Thu A làm chủ hội, ngày mở hội 30/6/2015 âm lịch, hội này bà đã hốt xong và đóng hội đầy đủ cho bà Thu A, hội đã mãn. Khi tham gia hội bà Thu A có giao danh sách hội đầy đủ cho các hội viên nên bà biết và xác định được bà L1 có tham gia chơi hội của bà Thu A trong dây hội này. Bà không biết bà L1 có tham gia các dây hội khác không, cũng không biết bà L1 hốt hội, thanh toán tiền hội, nợ hội gì với bà Thu A thế nào. Ngoài ra, vào ngày 20/01/2017, bà có cho bà L1 vay số tiền 10.000.000 đồng, bà giao tiền cho bà Thu A trực tiếp nhận (do bà A vay dùm cho bà L1), lãi suất 5%/tháng, khi vay không có biên nhận, thời hạn vay 03 tháng, bà Thu A đã đóng tiền lãi đầy đủ và trả xong tiền vốn cho bà. Bà Thu A đã trả đủ số tiền này cho bà. Bà không có yêu cầu gì đối với bà Thu A, bà đồng ý để bà Thu A được toàn quyền yêu cầu bà L1 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng này, bà không còn liên quan gì đến khoản tiền này. Xin vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải và xét xử vụ án.

Bà Lê Thị M1 trình bày: Vào năm 2014 bà có tham gia chơi hội do bà Thu A làm chủ, hội mở các ngày 15/8/2014 âm lịch, ngày 10/12/2014 âm lịch, bà chơi 02 phần, các phần hội này bà đã hốt xong và đóng hội đầy đủ cho bà Thu A, hội đã mãn. Khi tham gia hội bà Thu A có giao danh sách hội cho đầy đủ cho các hội viên nên bà biết và xác định được bà L1 có tham gia chơi hội của bà Thu A trong dây hội này. Bà không biết bà L1 có tham gia các dây hội khác không, cũng không biết bà L1 hốt hội, thanh toán tiền hội, nợ hội gì với bà Thu A thế nào. Ngoài ra, vào ngày 20/01/2017, bà có cho bà L1 vay số tiền 10.000.000 đồng, bà giao tiền cho bà Thu A trực tiếp nhận (do bà A vay dùm cho bà L1), lãi suất 5%/tháng, khi vay không có biên nhận, thời hạn vay 03 tháng, bà Thu A đã đóng tiền lãi đầy đủ và trả xong tiền vốn cho bà. Bà không có yêu cầu gì đối với bà Thu A, bà đồng ý để bà Thu A được toàn quyền yêu cầu bà L1 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng này, bà không còn liên quan gì đến khoản tiền này. Xin vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải và xét xử vụ án.

Bà Lê Thị G trình bày: Vào năm 2014, 2015 bà có tham gia chơi hội do bà Thu A làm chủ, hội mở các ngày 15/8/2014 âm lịch; 10/12/2014 âm lịch; 02/5/2015 âm lịch, các phần hội này bà đã hốt xong và đóng hội đầy đủ cho bà Thu A, hội đã mãn. Khi tham gia hội bà Thu A có giao danh sách hội cho bà và giao đầy đủ cho các hội viên khác nên bà biết và xác định được bà L1 có tham gia chơi hội của bà Thu A trong các dây hội này. Bà không biết bà L1 có tham gia các dây hội khác không, cũng không biết bà L1 hốt hội, thanh toán tiền hội, nợ hội gì với bà Thu A thế nào. Ngoài ra, vào ngày 20/01/2017, bà có cho bà L1 vay số tiền 11.000.000 đồng, bà giao tiền cho bà Thu A trực tiếp nhận (do bà A vay dùm cho bà L1), lãi suất 5%/tháng, khi vay không có biên nhận, thời hạn vay 03 tháng, bà Thu A đã đóng tiền lãi đầy đủ và trả xong tiền vốn cho bà. Bà không có yêu cầu gì đối với bà Thu A, bà đồng ý để bà Thu A được toàn quyền yêu cầu bà L1 thanh

toán số tiền 11.000.000 đồng này, bà không còn liên quan gì đến khoản tiền này. Xin vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải và xét xử vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hội và hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn Vũ Bích L1 đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Bị đơn Nguyễn Tuấn M; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Nh, Lê Thị M1, Lê Thị G, Lê Thị L có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L1, ông M, bà Nh, bà M1, bà G, bà L theo luật định.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với khoản nợ hội do bà Thu A làm chủ, vào năm 2014, 2015, bị đơn có tham gia chơi hội do nguyên đơn làm chủ tổng cộng 04 dây hội, gồm có 08 phần hội, hội mở các ngày 15/8/2014 âm lịch, 10/12/2014 âm lịch, ngày 02/5/2015 âm lịch, ngày 30/6/2015 âm lịch. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ gồm 04 danh sách hội. Quá trình tham gia hội bị đơn đã lĩnh (hót) tất cả các phần hội này, các dây hội đều đã mãn, bị đơn còn nợ hội chết tổng cộng 87.100.000 đồng, việc lĩnh (hót) hội không ký nhận. Bị đơn cho rằng chỉ còn nợ nguyên đơn tiền hội chết 37.200.000 đồng, từ ngày hòa giải cơ sở đến nay bị đơn không trả thêm cho nguyên đơn khoản nào. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn trình bày có mâu thuẫn với nhau nhưng tại Biên bản hòa giải cơ sở bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn 60.000.000 đồng tiền hội. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán 60.000.000 đồng theo Biên bản hòa giải cơ sở ngày 04/11/2020, khoản tiền còn lại không yêu cầu bị đơn thanh toán. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tiền nợ vay dùm, nguyên đơn cho rằng năm 2017, nguyên đơn có vay tiền của bà Nh, bà M1 và bà G dùm cho bị đơn 31.000.000 đồng, có biên nhận, đến nay bị đơn chưa thanh toán khoản tiền này cho nguyên đơn. Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn 31.000.000 đồng nhưng không thừa nhận việc nhờ vay dùm. Tuy nhiên tại biên nhận ngày 13/7/2017 do nguyên đơn cung cấp, bị đơn ký tên vào biên nhận có nội dung “ Tôi Vũ Bích L1 có thiếu M1, Nhím, G là 31.000.000 triệu ( Ba một triệu)”. Như vậy, cho thấy trình bày của nguyên đơn về việc vay tiền dùm là đúng thực tế khách quan. Bị đơn cho rằng đã trả được 14.000.000 đồng vốn và có trả lãi, còn nợ 17.000.000 đồng vốn nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng M. Bà Nh, bà G và bà M1 xác định các khoản nợ này bà Thu A đã trả đầy đủ cho bà Nh, bà G, bà M1 nên không yêu cầu gì đối với khoản tiền này, bà Thu A được toàn quyền yêu cầu bà L1 thanh toán. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 31.000.000 đồng vốn, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với nguyên đơn. Vì vậy, có căn

cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 31.000.000 đồng.

Đối với nợ hui do bà Lê Thị L làm chủ, nguyên đơn cho rằng nguyên đơn có tham gia chơi hui dùm bị đơn và còn nợ 50.100.000 đồng. Bị đơn không thừa nhận việc chơi hui dùm và nhận tiền lĩnh (hốt) hui 02 phần hui này từ bà L hay bà Thu A. Bà L xác định có việc chơi dùm nhưng bà giao tiền lĩnh (hốt) hui cho bà Thu A nhận, không giao cho bà L1, giữa bà L1 và bà Thu A giao nhận tiền thế nào bà không biết. Bà không yêu cầu gì đối với khoản tiền này. Hội đồng xét xử thấy rằng, lời trình bày của các đương sự mâu thuẫn với nhau. Tuy nhiên tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền này. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về nghĩa vụ thanh toán: Nguyên đơn cho rằng đây là khoản nợ chung của vợ chồng và yêu cầu bà Vũ Bích L1, ông Nguyễn Tuấn M cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn. Xét tại thời điểm vay, tham gia hui từ năm 2014 đến năm 2020, mặc dù bà L1 là người trực tiếp giao dịch hui và vay, nhưng quá trình chơi hui và vay diễn ra trong thời gian dài, việc ông M và bà L1 cho rằng ông M không biết giao dịch hui và vay với bà Thu A và là nợ riêng của bà L1 là không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác thời điểm này ông M và bà L1 vẫn còn trong thời kỳ hôn nhân. Tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu thiết yếu của gia đình, nên buộc ông M và bà L1 cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán toàn nợ hui và nợ vay cho nguyên đơn là phù hợp.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị đơn phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 288, 466; 468; 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, biểu, phường.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thu A về việc yêu cầu bà Vũ Bích L1 và ông Nguyễn Tuấn M thanh toán tiền nợ hui, nợ vay.

Buộc bà Vũ Bích L1 và ông Nguyễn Tuấn M cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngô Thu A tổng số tiền nợ hui và nợ vay là 91.000.000 đồng (chín mươi một triệu đồng), trong đó nợ hui 60.000.000 đồng, nợ vay 31.000.000 đồng.

Kể từ ngày Ngô Thu A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Vũ Bích L1, ông Nguyễn Tuấn M không tự nguyện thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Vũ Bích L1 và ông Nguyễn Tuấn M phải nộp 4.550.000 đồng (chưa nộp). Nguyên đơn không phải nộp án phí. Ngày



16/11/2020, bà Ngô Thu A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.612.000 đồng, theo biên lai thu số 0000214 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bà Trương Ánh Hoa – Nguyễn Thị Ngọc Diệp      Nguyễn Thị Ngọc Hân**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, nguyên đơn trình bày vào năm 2014, 2015, bị đơn có tham gia chơi hội do nguyên đơn làm chủ tổng cộng 04 dây hội, gồm có 08 phần hội, hội mở các ngày 15/8/2014 âl, 10/12/2014 âl, ngày 02/5/2015 âl, ngày 30/6/2015 âl; nguyên đơn chơi hội dùm bị đơn 02 dây, 02 phần do bà Lê Thị L làm chủ, hội mở ngày 30/11/2016 âl và ngày 15/01/2017 âl, và vay tiền của bà Lê Thị Nh, bà Lê Thị M1 và bà Lê Thị G dùm bị đơn 31.000.000 đồng, quá trình tham gia hội bị đơn đã lĩnh (hót) tất cả các phần hội này, các dây hội đều đã mãn, bị đơn còn nợ lại hội chết do nguyên đơn và bà Lê Thị L làm chủ tổng cộng 147.200.000 đồng, đã trả được 21.700.000 đồng, còn nợ 115.500.000 đồng và tiền nợ vay dùm là 31.000.000 đồng như phần trình bày trên. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thA toán tổng số tiền 91.000.000 đồng, trong đó nợ hội 60.000.000 đồng và 31.000.000 đồng tiền vay. Bị đơn xác định có tham gia chơi hội do nguyên đơn làm chủ, bị đơn tham gia chơi 03 dây, hội mở vào các ngày 15/8/2015 âl, 15/8/2015 âl và 15/9/2015 âl, về loại hội, mệnh giá hội, tiền lĩnh (hót) hội, tiền hội chết phải đóng như phần trình bày, bị đơn chỉ còn nợ lại nguyên đơn 52.200.000 đồng nợ hội chết, đã trả được 15.000.000 đồng, còn nợ 37.200.000 đồng. Đối với tiền nợ vay thừa nhận có vay của nguyên 31.000.000 đồng, không thừa nhận việc nguyên đơn vay dùm, đã trả được 14.000.000 đồng và lãi, còn nợ 17.000.000 đồng tiền vốn, tổng cộng nợ hội và nợ vay và đồng ý trả cho nguyên đơn 54.200.000 đồng, ngoài ra không nợ khoản nào khác và không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản tiền chênh Lch.

Xét lời trình bày của các đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa nguyên đơn và bị đơn thực tế có diễn ra giao dịch hội và vay. Để chứng M cho lời trình bày, yêu cầu của mình nguyên đơn cung cấp chứng cứ gồm 04 dA sách hội do nguyên đơn làm chủ, 02 dA sách hội do bà L làm chủ, 01 biên nhận vay tiền dùm, có chữ ký bị đơn. Đối với lời trình bày của bị đơn mâu thuẫn với trình bày của nguyên đơn và không phù hợp chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, ngoài lời trình bày của mình, bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng M. Mặt khác, bà Nh, bà M1, bà G, bà Tốt, bà Út, bà Ý đều xác định họ có tham gia chơi hội do bà Thu A làm chủ, về ngày mở hội, mệnh giá hội, số dây hội, phần hội đúng như bà Thu A trình bày và chứng cứ do bà Thu A cung cấp và xác định bà A có tham gia chơi hội chung các dây hội này, nhưng không biết rõ bà A còn nợ bà Thu A hay không. Xét thấy, việc nguyên đơn và bị đơn trình bày có mâu thuẫn với nhau. Xét thấy Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn thA toán 60.000.000 đồng theo nội dung Biên bản hòa giải cơ sở, khoản tiền còn lại 27.100.000 đồng nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thA toán. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

bị đơn không thừa nhận có việc chơi hội dùm và còn nợ như nguyên đơn và bà L trình bày. Đối với nguyên đơn có giao nộp hai dA sách hội do bà L làm chủ, hội mở ngày 30/6/2016 âm và ngày 15/01/2017 âm, tuy nhiên tại hai dA sách hội này thể hiện người đứng tên trong dA sách hội là bà Thu A không phải bà A. Ngoài chứng cứ trên và lời trình bày của nguyên đơn, của bà L thì nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ khác thể hiện việc chơi hội dùm nên không có cơ sở chứng M bà Thu A chơi hội dùm bà A. Bà A nhận số tiền lĩnh (hót) hội tổng cộng 42.300.000 đồng, việc giao nhận tiền chỉ diễn ra giữa bà Thu A và bà L.